TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2025
"*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Xuân Toàn;

2. Ông Siu Thun Phrâo.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1959; CCCD số 040059012421

Địa chỉ: Thôn Bắc Sông Giang, xã Khánh Trung, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1965; CCCD số 044165006199

Địa chỉ: Thôn Plei Đung, xã Ia Hrú, huyện C, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/99, quyển số 01 ngày 06/3/1999 tại UBND xã Ia Hrú, huyện Chư Sê (nay là UBND xã Ia Hrú, huyện C), tỉnh G. Trong quá trình chung sống ông bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ. Mặc dù ông đã cố gắng tự giải quyết mâu thuẫn và hai bên gia đình cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, đời sống hôn nhân không được cải thiện, càng ngày càng mâu thuẫn làm cho cả hai cảm thấy ngột ngạt, không có hạnh

phúc. Ông bà đã sống ly thân được khoảng hơn 10 năm nay. Ngày 10/6/2024 ông bà thống nhất thuận tình ly hôn và đã gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G để được giải quyết (bà H có ký vào đơn), tuy nhiên khi Tòa án thụ lý hồ sơ thì bà H không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, mặc cho ông muốn làm gì thì làm. Do đó Tòa án đã phải đình chỉ vụ việc. Đến nay ông cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Công Đ, sinh năm 1989. Con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lê Thị H: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vì lý do công việc nên bà H không có mặt theo Thông báo của Tòa án. Ngày 16/5/2025, bà H ký nhận các văn bản tố tụng, bà đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/12/2024, nguyên đơn là ông Lê Văn L có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn bà Lê Thị H và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của ông L đúng quy định, bà H có nơi cư trú tại thôn Plei Đung, xã Ia Hrú, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông L và bị đơn là bà H có đơn và ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn L và bà Lê Thị H và yêu cầu khởi kiện của ông L thấy rằng:

Ông L và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/3/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú, huyện Chư Sê (nay là xã Ia Hrú, huyện C), tỉnh G. Quan hệ hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các

quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Tại đơn khởi kiện và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông L thì trong quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã. Ông bà cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông bà đã sống ly thân được hơn 10 năm. Ngày 16/5/2025, bà H đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H và ông L là có thật, mặc dù ông bà là vợ chồng nhưng đã sống ly thân được hơn 10 năm, mâu thuẫn xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, cho ông L được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lê Công Đ, sinh năm 1989. Con chung đã thành niên nên các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Lê Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006187 ngày 17/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh G (01 bản);
- UBND xã Ia Hrú, huyện C(01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nay Lu Vinh